

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 01/2/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 8, thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ: phường H, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông C; địa chỉ: đường Q, phường Q, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2019) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông B; địa chỉ: phường P, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 11 năm 2019, bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền là ông C trình bày: Ngày 25/12/2009 Ngân hàng TMCP S và ông B có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Căn cứ vào thu nhập của ông B, Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng cho ông B với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Ông B bắt đầu kích hoạt và sử dụng thẻ, thực hiện các giao dịch. Tuy nhiên, ông B đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nên ngày 16/8/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/2/2021 ông B còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 5.947.423 đồng, trong đó nợ gốc là 2.519.095 đồng, lãi quá hạn là 3.428.328 đồng. Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 xem xét giải quyết buộc ông B thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn phải thanh toán nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/2/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn là ông B đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã được nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục xét xử: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền là ông C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với ông B ký kết ngày 25/12/2009 thì bị đơn đã được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng số 4720 7400 0030 1921, với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo lời khai của nguyên đơn thì tính đến ngày 01/2/2021 ông B còn nợ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín tổng số tiền là 5.947.423 đồng, trong đó nợ gốc là 2.519.095 đồng, lãi quá hạn là 3.428.328 đồng.

Xét thấy, tình tiết về các khoản nợ đã được nguyên đơn thông báo đến bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định về các khoản nợ của bị đơn

là có thật. Như vậy, bị đơn đã vi phạm Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng, vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông B phải chịu án phí trên tổng số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng; Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông B thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 5.947.423 (năm triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi ba) đồng (bao gồm nợ gốc là 2.519.095 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/2/2021 là 3.428.328 đồng); Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 02/2/2021, ông B còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP S thì lãi suất mà ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2. Án phí Tòa án:

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0043828 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng